

Bản án số: 81/2019/HS-PT
Ngày: 22 - 05 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Như Tám

Ông Lê Trọng Hân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/TLPT - HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn M do có kháng cáo của bị hại Đoàn Hữu N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HS-ST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu T – Sinh năm: 1957, tại huyện R, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp Đồng C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: Ấp Đồng C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Lý Thị L; Vợ: Đặng Thị N; Con: 06 người con, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Nguyễn Văn M – Sinh năm: 1982, tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp Đồng C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: Ấp Đồng C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc Kinh; giới tính:

N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị D; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M: Ông **Trần Tuấn Anh** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người bị hại:* Ông **Đoàn Hữu N** – Sinh năm: 1968 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp C, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư **Bùi Thị Thủy** - Cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Đặng Thị N1**, sinh năm: 1960 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp Đồng C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2/ Ông **Nguyễn Văn C1**, sinh năm: 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đồng C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3/ Ông **Nguyễn Tấn C2**, sinh năm: 2000 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đồng C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4/ Bà **Lượng Thị N2**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 8/2017 Nguyễn Hữu T biết được Đoàn Hữu N khóa cửa nhà bỏ địa phương đi và do T cho rằng N còn thiếu T một khoản tiền công cày thuê đất, tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và dầu khoảng 285.000.000 đồng nhưng không trả nên vào khoảng tháng 9/2017 T nói cho Nguyễn Văn M (con rể của T) biết sự việc và kêu M đi lấy tài sản của N để trừ nợ, M liền đồng ý. Sáng hôm sau, M kêu anh Nguyễn Tấn C2 và anh Nguyễn Văn C1 (cháu ruột của M) đi theo phụ tiếp M vận chuyển đồ nhưng không nói cho C2 và C1 biết tài sản của ai, vì vậy C2, C1 mới đồng ý đi theo. Khi đi M mang theo máy cắt sắt cầm tay của T, M điều khiển vô chệt chạy đến chòi chứa hàng của anh N thuộc ấp T4, xã V, huyện G. Khi đến nơi M cầm máy cắt ỏ khóa cửa trại lấy đi 32 bao lúa giống loại lúa Nhật có trọng lượng khoảng 1.360kg; 01 bình xịt máy hiệu ENGINE 1E34F; 05 bao phân bón nhãn hiệu đạm Cà Mau hạt ngọc mùa vàng loại URE hạt đục khối lượng 50kg/bao; 07 bao phân bón nhãn hiệu APROMACO loại DAP khối lượng 50kg/bao và 1,5 thùng thuốc bảo vệ thực vật. Lấy được tài sản M chất đồ đạc lên chiếc chệt và điều khiển chệt được

khoảng 300m thì gặp ông Huỳnh Văn T1 kêu lại nói với M số thuốc bảo vệ thực vật lấy được là của anh Lương Bá T2 bán cho N chưa lấy tiền nên nhờ lấy giùm, nghe vậy nên M bỏ lại 1,5 thùng thuốc lại cho anh T1 rồi tiếp tục điều khiển chệt về nhà mình cất giữ (BL 93 đến 175).

Khoảng 04 ngày sau, T nói với vợ là bà Đặng Thị N1 rằng vợ anh N là chị Lương Thị N2 đồng ý giao tài sản và đã kêu M đi lấy tài sản của anh N mấy ngày trước, số tài sản còn lại đang cất trong chòi nếu không lấy sẽ mất, nghe T giải thích như vậy nên bà N1 đồng ý. T điều khiển vô máy chở bà N1 đến chòi ruộng của anh N mở cửa lấy 01 ghe gỗ trọng tải 10 tấn, 01 máy dầu D15, 01 tủ lạnh SANYO, dung tích 245 lít, 01 nồi cơm điện, nhãn hiệu Kim Cương loại 1,8 lít, 01 bếp điện nhãn hiệu Light Cooker, 01 mô tơ bơm nước nhãn hiệu cá sấu xám 1DK-15 chất lên ghe gỗ lấy được rồi kéo vô máy đưa về nhà mình cất giữ.

Sau đó T và M cùng đem bán 32 bao lúa giống loại lúa nhật theo giá thị trường được 12.800.000 đồng, số tiền bán được T trả cho M 6.400.000 đồng tiền công cày đất còn thiếu M. Các tài sản còn lại T lấy lên để bán và sử dụng trong gia đình. Đến ngày 08/5/2018 T và M bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G phát hiện khởi tố điều tra.

* Vật chứng thu được trong vụ án:

- 06 vỏ bao phân bón nhãn hiệu APROMACO DAP có chiều dài vỏ bao 95cm, rộng 52cm, vỏ bao đã cũ, rách, qua sử dụng.
- 03 vỏ bao phân bón nhãn hiệu đạm Cà Mau hạt ngọc mùa vàng, loại UREE hạt đục, có chiều dài vỏ bao 01m, rộng 58cm, vỏ bao đã cũ, rách, qua sử dụng.
- 01 ghe gỗ dài 11,7m, nơi rộng nhất 2,2m, chiều cao mạn ghe 1,4m, ghe cũ đã qua sử dụng.
- 01 máy dầu D15 nhãn hiệu JD, máy cũ đã qua sử dụng.
- 01 bình xịt máy hiệu ENGINE 1E34F, cũ đã qua sử dụng.
- 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO dung tích 245 lít, cũ đã qua sử dụng.
- 01 nồi cơm điện nhãn hiệu KIM CƯƠNG 1.8 lít, cũ đã qua sử dụng.
- 01 bếp điện nhãn hiệu Light Cooker, cũ đã qua sử dụng.
- 01 quạt điện nhãn hiệu SENKO ISO 9001; 2008, cũ đã qua sử dụng.
- 01 mô tơ bơm nước nhãn hiệu Cá Sấu Xám 1DK-15, cũ đã qua sử dụng.
- 01 máy cắt bằng kim loại, dài 24cm trên thân có chữ Makita, máy có gắn dây điện màu vàng, chui cắm màu trắng, tổng chiều dài dây điện 1,3m, lưỡi cắt bị gãy một

phần, máy cũ đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng hoạt động của máy. Tất cả đã qua sử dụng.

- 36 chai thuốc bảo vệ thực vật nhãn hiệu AMIO.

- 01 chệt gỗ có chiều dài 1,7m, rộng 2,75m mũi bằng gỗ lợp mái tol, chiều cao mũi 2m, chiều rộng mũi 2,3m, chiều dài 1,8m. Chệt có gắn một máy dầu nhãn hiệu S90-CE YANMAR, chệt, máy cũ đã qua sử dụng (đã giao cho bị cáo T quản lý).

- 01 chiếc vỏ máy chất liệu composite nhãn hiệu Dream Ước Mơ có chiều dài 7,8m, nơi rộng nhất 0,96m, nơi hẹp nhất 0,48m và 01 máy xăng nhãn hiệu MITSUBISHI 6.0HP vỏ, máy tất cả đã cũ đã qua sử dụng (đã giao cho bị cáo T quản lý).

* Tại bản Kết luận giám định tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 05/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: Tổng tài sản nêu trên tại thời điểm trộm cắp có giá trị là 25.260.000 đồng; và tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 27/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 36 chai phân bón lá dạng nước, nhãn hiệu AMINO-ACID tài sản nêu trên tại thời điểm trộm cắp có giá trị là 2.520.000 đồng.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 12.500.000 đồng số tiền này bị cáo khai rằng đã bán cho người khác 32 bao lúa giống, 12 bao phân, 01 bình xịt thuốc và đã chia lại cho M 6.400.000 đồng.

Bị cáo M đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 6.400.000 đồng số tiền này M cho rằng đã nhận được từ việc bán 32 bao lúa giống để thanh toán tiền công cày đất.

Người bị hại Đoàn Hữu N cho rằng ông có cất một căn nhà diện tích 140m² gồm nhà chính 60m², kho hàng 80m² để chứa tài sản chủ yếu là vật tư nông nghiệp. Tại thời điểm mất trộm trong kho của ông có chứa 400 bao phân loại bao 50Kg gồm 200 bao phân Ure trị giá 60 triệu đồng, 200 bao phân DAP trị giá 90 triệu đồng mua của cửa hàng Minh Chuyên Hòn đất; ngoài ra còn chứa 05 tấn lúa giống trị giá khoảng 60 triệu đồng mua của công ty Trung an Hòn Đất; 30 thùng thuốc bảo vệ thực vật trong thùng chứa hỗn hợp nhiều loại thuốc trị giá khoảng 300 triệu đồng mua của cửa hàng Minh chuyên Hòn đất. Ngoài các tài sản bị chiếm đoạt mà cơ quan tiến hành tố tụng đã liệt kê, bị hại còn mất thêm 01 bình xịt và 01 bình ắc quy mua ở An Giang không nhớ tiệm nào và cụ thể tên người bán.

Đối với những tài sản hiện do cơ quan chức năng đang thu giữ và quản lý, người bị hại yêu cầu được nhận lại số tài sản này và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Đối với tài sản là 1,5 thùng (36 chai) thuốc bảo vệ thực vật nhãn hiệu AMIO do bị cáo M giao cho ông Huỳnh Văn T1 để trả cho ông Lương Bá T2, người bị hại thừa nhận còn nợ tiền mua vật nông nghiệp của anh T2 và anh T2 cũng đã nhận lại tài sản nên bị hại không yêu cầu bồi thường giá trị tài sản này.

Đối với tài sản bị trộm cắp gồm 400 bao phân loại bao 50kg gồm 200 bao phân Ure, 200 bao phân DAP, 05 tấn lúa giống, 30 thùng thuốc bảo vệ thực vật, 01 bình xịt và 01 bình ắc quy, sau khi tính toán lại người bị hại Đoàn Hữu N đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường thêm 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

* Tại bản án sơ thẩm số: 12/2018/HSST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hữu T** và **Nguyễn Văn M** phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự.

+ ***Xử phạt:*** Bị cáo **Nguyễn Hữu T** – ***09 tháng cải tạo không giam giữ***. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành và bản sao bản án.

+ ***Xử phạt:*** Bị cáo **Nguyễn Văn M** – ***06 tháng cải tạo không giam giữ***. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành và bản sao bản án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/12/2018 bị hại Đoàn Hữu N có đơn kháng cáo với nội dung:

1/- Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại mức án của bị cáo T, M và những người cùng thực hiện lấy tài sản như bà N1, ông C1 và ông C2.

2/- Hội đồng định giá, giá trị tài sản bị lấy chưa đúng giá trị thị trường như giống lúa, ghe, máy, tủ lạnh, bình xịt, yêu cầu định giá lại tài sản.

3/- Những tài sản bị mất có đủ căn cứ chứng minh như: 05 tấn lúa mua của Công ty Trung An Hòn Đất, 10 bao phân và 04 thùng thuốc mua của anh T2 ở Đồng Tháp. Còn việc mua thuốc của anh Sơn lấy từ ông Tụ mua của cửa hàng Minh Chuyên.

4/- Xem xét lại phần án phí có giá ngạch buộc bị cáo phải chịu là 23.244.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bị cáo T và M đều thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử hai bị cáo về hành vi phạm tội “**Trộm cắp tài sản**” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng tội của 02 bị cáo. Bị hại Đoàn Hữu N xin rút lại một phần kháng cáo về việc xem xét hành vi của bà N1, ông C2 và ông C1 có đồng phạm hay không; phần yêu cầu định giá lại tài sản và phần mua thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng Minh Chuyên; phần kháng cáo còn lại bị hại yêu cầu giữ nguyên.

* Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo T và M về tội “**Trộm cắp tài sản**” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo T là thiếu sót. Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 làm tình tiết tăng nặng cho bị cáo T, chuyển hình phạt của bị cáo T sang hình phạt tù có thời hạn và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T dưới khung hình phạt cũng đủ nghiêm. Đối với bị cáo M cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mức hình phạt cho bị cáo M là phù hợp. Đối với phần án phí giá ngạch mà cấp sơ thẩm buộc bị hại N phải chịu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại đã rút lại phần kháng cáo về việc xem xét hành vi của bà N1, ông C2 và ông C1 có đồng phạm hay không cũng như phần định giá lại tài sản và phần mua thuốc của cửa hàng Minh Chuyên, 07 bao phân...Do đó, đề nghị HĐXX đình chỉ một phần kháng cáo này của bị hại. Đối với yêu cầu của bị hại yêu cầu bồi thường 05 tấn lúa giống, 03 bao phân và 2,5 thùng thuốc bảo vệ thực vật là không có cơ sở nên không chấp nhận. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển hình phạt của bị cáo T sang hình phạt tù có thời hạn mức án từ 04 đến 06 tháng tù; về án phí: Bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm có giá ngạch như cấp sơ thẩm đã tuyên.

*** Tại phiên tòa Trợ giúp viên Trần Tuấn Anh phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo M cho rằng:**

Thống nhất quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát cũng như thống nhất mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo

và mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ là hoàn toàn hợp lý.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại yêu cầu bồi thường giá trị 05 tấn lúa giống, 03 bao phân và 2,5 thùng thuốc bảo vệ thực vật là không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận, bởi: Việc bị hại khai nhận có mua 05 tấn lúa giống, 03 bao phân và 2,5 thùng thuốc bảo vệ thực vật tuy nhiên cũng không chứng minh được vì thời điểm bị hại mua và đến khi bị hại bỏ đi là đã 3 tháng, trong thời gian này không có ai trông coi chòi của bị hại nên yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại là không có căn cứ đề nghị bác yêu cầu này của bị hại.

**** Tại phiên tòa Luật sư Bùi Thị Thủy phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng:***

Thông nhất quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chuyển hình phạt của bị cáo T từ hình phạt cải tạo không giam giữ sang hình phạt tù có thời hạn. Thông nhất quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về phần án phí giá ngạch sơ thẩm bị hại không phải chịu.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại yêu cầu bồi thường giá trị 05 tấn lúa giống, 03 bao phân và 2,5 thùng thuốc bảo vệ thực vật là hoàn toàn phù hợp, bởi: Bị hại đã chứng minh số tài sản bị mất là có thật, bị hại đã chứng minh số thuốc bảo vệ thực, nơi bán lúa giống từ các cơ sở bán thuốc bảo vệ thực vật, vì vậy yêu cầu bồi thường của bị hại là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị hại Đoàn Hữu N về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Vào khoảng tháng 9/2017, tại ấp T4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn M đã thực hiện lấy trộm cắp 01 ghe gỗ trọng tải 10 tấn, 01 máy dầu D15, 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO, dung tích 245 lít, 01 nồi cơm điện nhãn hiệu KIM CUÔNG 1.8 lít, cũ đã qua sử dụng, 01 bếp điện nhãn hiệu Light Cooker, 01 mô tơ bơm nước nhãn hiệu Cá Sấu Xám 1DK-

15, 01 bình xịt máy hiệu ENGINE 1E34F, 01 quạt điện nhãn hiệu SENKO ISO 9001; 07 bao phân nhãn hiệu ADP, 05 bao phân nhãn hiệu URE, 1360 kg lúa giống, 36 chai phân dạng nước nhãn hiệu AMINO –ACID của ông Đoàn Hữu N, tổng giá trị tài sản là 27.778.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử 02 bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị hại: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại đã rút lại phần kháng cáo về việc xem xét hành vi của bà N1, ông C2 và ông C1 có đồng phạm hay không cũng như phần định giá lại tài sản và phần mua thuốc của Công ty Minh Chuyên, 07 bao phân...Do đó, HĐXX đình chỉ một phần kháng cáo này của bị hại. Đối với yêu cầu của bị hại yêu cầu bồi thường 05 tấn lúa giống, 03 bao phân và 2,5 thùng thuốc bảo vệ thực vật là không có căn cứ bởi: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã xác minh làm rõ, ở các cơ sở bán thuốc bảo vệ thực vật, nơi bán lúa giống cho bị cáo cũng như đã chứng minh số tài sản mà các bị cáo đã lấy trộm của bị hại là phù hợp như lời khai nhận của các bị cáo...Vì vậy, yêu cầu bồi thường của bị hại như trên không có căn cứ nên bác là thỏa đáng.

Đối với kháng cáo của bị hại về phần án phí giá ngạch, cấp phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm buộc bị hại phải chịu án phí giá ngạch đối với yêu cầu bị bác với số tiền 23.244.000 đồng là không phù hợp, bởi số tài sản mà bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường do bị hại chưa chứng minh số tài sản thực tế bị mất trộm, cũng như bị hại chưa đồng ý với việc định giá tài sản chưa phù hợp với giá thị trường nên không thể coi là yêu cầu này bị bác và phải chịu án phí như nhận định của cấp sơ thẩm. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại đã xin rút lại phần yêu cầu định giá lại tài sản, phần buộc các bị cáo bồi thường thuốc bảo vệ thực vật mua của cửa hàng Minh Chuyên. Do đó, bị hại không phải chịu án phí giá ngạch là phù hợp.

Các bị cáo nhận thức được rằng, tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mà bất kì ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, không những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây khó khăn trong sinh hoạt của họ, đồng thời còn gây bất bình, căm phẫn trong dư luận quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Số tài sản mà 02 bị cáo chiếm đoạt của người bị hại có giá trị hơn 27.000.000 đồng là tài sản có giá trị. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử 02

bị cáo về tội “**Trộm cắp tài sản**” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo T là người giữ vai trò chính, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên mà cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không phù hợp luật định, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo T là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm, cũng như cần phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm cải tạo giáo dục để răn đe phòng ngừa chung là cần thiết. Đối với bị cáo M là đồng phạm, giữ vai trò thứ yếu, bằng hành vi giúp sức... cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mức hình phạt cho bị cáo M là phù hợp, nên HĐXX giữ nguyên mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chuyển hình phạt của bị cáo T sang hình phạt tù có thời hạn mức án từ 04 đến 06 tháng tù, không buộc bị hại phải chịu án phí giá ngạch như nhận định của cấp sơ thẩm. Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về quan điểm của Trợ giúp viên Trần Tuấn Anh phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo M là phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Về quan điểm của Luật sư Bùi Thị Thủy phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Thống nhất quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chuyển hình phạt của bị cáo T từ hình phạt cải tạo không giam giữ sang hình phạt tù có thời hạn. Thống nhất quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về phần án phí giá ngạch sơ thẩm bị cáo không phải chịu là phù hợp nhận định HĐXX nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường giá trị 05 tấn lúa giống, 03 bao phân và 2,5 thùng thuốc bảo vệ thực vật là không có căn cứ nên như phân tích và nhận định trên của HĐXX nên không chấp nhận yêu cầu này của Luật sư là thỏa đáng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do bị hại kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị hại không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại Đoàn Hữu N về việc xem xét hành vi của bà N1, ông C2 và ông C1 có đồng phạm hay không, phần định giá lại tài sản và phần mua thuốc của cửa hàng Minh Chuyên.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Đoàn Hữu N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Hữu T – 04 (Bốn) tháng tù** về tội “**Trộm cắp tài sản**”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Văn M – 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ** về tội “**Trộm cắp tài sản**”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị hại Đoàn Hữu N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

4. Các quyết định khác của Bản án số 12/2018/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo; đương sự (4);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang